

Số: 182/QĐ-STNMT

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 02/11/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ xác nhận của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng có hiệu lực;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Tài nguyên và Môi trường phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, lãnh đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (để biết);
- Lãnh đạo Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VT, Thư ký ISO.

GIÁM ĐỐC



Bùi Thanh Lam



Phụ lục

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN 9001:2008

(Ban hành kèm theo Quyết định số 182/QĐ-STNMT ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Lĩnh vực Đất đai

1.1. Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.

1.2. Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.

1.3. Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.

1.4. Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức.

1.5. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu.

1.6. Đăng ký đất đai mà chưa có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

1.7. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất; đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận.

1.8. Đăng ký đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý.

1.9. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng của tổ chức đầu tư xây dựng để bán

được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 72 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP..

1.10. Chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

1.11. Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

1.12. Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền.

1.13. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức, chuyển đổi công ty.

1.14. Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận.

1.15. Chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất.

1.16. Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề.

1.17. Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế, khu cụm công nghiệp khi hết thời hạn sử dụng đất.

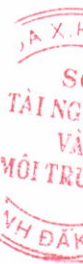
1.18. Tách thửa hoặc hợp thửa đất.

1.19. Cấp đổi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng.

1.20. Cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng do bị mất.

1.21. Đính chính Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã cấp.

1.22. Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.



3.13. Nghiệm thu kết quả thực hiện và ban hành quy định đóng cửa mỏ khoáng sản.

3.14. Phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

4. Lĩnh vực tài nguyên nước - KTTV

4.1. Cấp phép thăm dò nước dưới đất.

4.2. Gia hạn/điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất.

4.3. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất.

4.4. Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất.

4.5. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.

4.6. Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.

4.7. Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

4.8. Gia hạn/điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

4.9. Cấp lại giấy phép tài nguyên nước.

4.10. Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước.

4.11. Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.

4.12. Gia hạn/điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.

4.13. Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.

4.14. Cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng.

4.15. Gia hạn/điều chỉnh giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng.

4.16. Cấp lại giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng.

5. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại, tố cáo

5.1. Tiếp công dân.

5.2. Xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

5.3. Giải quyết khiếu nại lần một.

5.4. Giải quyết khiếu nại lần hai.

5.5. Giải quyết đơn tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

